

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 618/2026/KDTM-ST

Ngày: 26 - 03 - 2026

V/v tranh chấp: hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kha

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Ông Trần Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2367/2023/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2026/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH H

Địa chỉ: 32 đường 23, phường X (trước đây là phường Y thành phố Thủ Đức), thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ D, địa chỉ: 1060/28 đường A, phường B, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 28/11/2023).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Bê Tông T

Địa chỉ trụ sở: 480/31/2/6C đường C, phường D (trước đây là phường E quận Bình Thạnh), thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ văn phòng: 88 đường số 01 đường F, phường Bình Thạnh (trước đây là phường G quận Bình Thạnh), thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Huỳnh Ngọc P - Giám đốc, địa chỉ: 480/31/2/6C đường C, phường D (trước đây là phường E quận Bình Thạnh), thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn Công ty TNHH H và bị đơn Công ty TNHH Bê Tông T có ký các Hợp đồng mua bán xi măng số 043/HĐMBXM/2018 ngày 02/10/2018, Hợp đồng mua bán xi măng số 03/HĐMBXM/2019 ngày 02/01/2019, Hợp đồng mua bán xi măng số

04/HĐMBXM/2020 ngày 02/01/2020 và Hợp đồng mua bán xi măng số 05/HĐMBXM/2021 ngày 02/01/2021. Căn cứ vào các hợp đồng được ký kết Công ty TNHH H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng cho Công ty TNHH Bê Tông T. Đến tháng 04 năm 2021 là đơn hàng cuối cùng Công ty TNHH Bê Tông T mua xi măng của Công ty TNHH H.

Ngày 01/01/2022 Công ty TNHH H và Công ty TNHH Bê Tông T đã ký Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ đến ngày 31/12/2021 số tiền còn nợ là 1.323.766.000 đồng (một tỷ ba trăm hai mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Công ty TNHH H đã xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng và bàn giao cho Công ty TNHH Bê Tông T. Tuy nhiên, Công ty TNHH Bê Tông T không thanh toán đầy đủ tiền cho nguyên đơn, cụ thể Công ty TNHH Bê Tông T đã thực hiện việc trả nợ số tiền 1.323.766.000 đồng chi tiết như sau:

- + Ngày 04/01/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 1.273.766.000 đồng
- + Ngày 13/01/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 1.223.766.000 đồng
- + Ngày 26/01/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 1.173.766.000 đồng
- + Ngày 28/01/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 1.123.766.000 đồng
- + Ngày 14/03/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 1.073.766.000 đồng
- + Ngày 01/04/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 1.023.766.000 đồng
- + Ngày 13/04/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 973.766.000 đồng
- + Ngày 28/04/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 923.766.000 đồng
- + Ngày 11/05/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 873.766.000 đồng
- + Ngày 27/05/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 823.766.000 đồng
- + Ngày 10/06/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 773.766.000 đồng
- + Ngày 30/06/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 723.766.000 đồng
- + Ngày 21/07/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 673.766.000 đồng
- + Ngày 09/08/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 623.766.000 đồng
- + Ngày 29/08/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 573.766.000 đồng
- + Ngày 16/09/22 thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ: 523.766.000 đồng
- + Ngày 03/10/22 thanh toán 30.000.000 đồng, còn nợ: 493.766.000 đồng
- + Ngày 14/10/22 thanh toán 30.000.000 đồng, còn nợ: 463.766.000 đồng
- + Ngày 25/10/22 thanh toán 30.000.000 đồng, còn nợ: 433.766.000 đồng
- + Ngày 22/11/22 thanh toán 30.000.000 đồng, còn nợ: 403.766.000 đồng
- + Ngày 02/12/22 thanh toán 30.000.000 đồng, còn nợ: 373.766.000 đồng
- + Ngày 19/12/22 thanh toán 30.000.000 đồng, còn nợ: 343.766.000 đồng
- + Ngày 09/01/23 thanh toán 20.000.000 đồng, còn nợ: 323.766.000 đồng
- + Ngày 19/01/23 thanh toán 20.000.000 đồng, còn nợ: 303.766.000 đồng
- + Ngày 10/04/23 thanh toán 20.000.000 đồng, còn nợ: 283.766.000 đồng
- + Ngày 13/06/23 thanh toán 20.000.000 đồng, còn nợ: 263.766.000 đồng

Kể từ sau ngày 13/06/2023 Công ty TNHH Bê Tông T ngừng hoàn toàn việc thanh toán tiền nợ.

Quá thời hạn thanh toán, Công ty TNHH H đã nhiều lần liên hệ nhưng Công ty TNHH Bê Tông T không thanh toán công nợ theo hợp đồng và biên bản đối chiếu xác nhận công nợ đã ký, không ký tiếp Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ. Do Công ty TNHH Bê Tông T vẫn trì hoãn, cố tình không trả số tiền còn nợ nêu trên nên Công ty TNHH H đã khởi kiện ra Tòa án.

Nguyên đơn Công ty TNHH H yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Bê Tông T thanh toán số tiền còn nợ tổng cộng là 717.958.167 đồng (bảy trăm mười bảy triệu chín trăm năm mươi tám ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng), bao gồm tiền nợ gốc là 263.766.000

đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/05/2021 đến ngày 30/09/2025 với mức lãi suất 0,05%/ngày theo thỏa thuận trong hợp đồng là 454.192.167 đồng (bốn trăm năm mươi bốn triệu một trăm chín mươi hai ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng), yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Công ty TNHH H không yêu cầu Công ty TNHH Bê Tông T thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 đến khi xét xử.

Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Bị đơn là Công ty TNHH Bê Tông T không có ý kiến trình bày vì không đến Tòa theo các lần triệu tập của Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không gửi văn bản nêu ý kiến và các chứng cứ tài liệu kèm theo.

Ngày 19/03/2026, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến yêu cầu như trình bày nêu trên, ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty TNHH Bê Tông T đến phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến (theo Phát biểu số 147/PB-VKS ngày 26/03/2026):

- về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và trong việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa các bên trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn Công ty TNHH Bê Tông T có địa chỉ trụ sở tại phường Bình Quới (trước đây là phường 28 quận Bình Thạnh) thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục:

Ngày 19/03/2026, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, bị đơn Công ty TNHH Bê Tông T đã được Tòa án nhiều lần thông báo, triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đến phiên tòa lần hai Công ty TNHH Bê Tông T vẫn vắng mặt

không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định đương sự có nghĩa vụ chứng minh, nhưng bị đơn không đến tòa, cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ nên Tòa án căn cứ những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc để giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn Công ty TNHH H yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH Bê Tông T thanh toán số tiền còn nợ tổng cộng là 717.958.167 đồng (bảy trăm mười bảy triệu chín trăm năm mươi tám ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng), bao gồm tiền nợ gốc là 263.766.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/05/2021 đến ngày 30/09/2025 với mức lãi suất 0,05%/ngày theo thỏa thuận trong hợp đồng là 454.192.167 đồng, trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; Hội đồng xét xử xét thấy:

3.1 Xét yêu cầu về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

- Các Hợp đồng mua bán xi măng số 043/HĐMBXM/2018 ngày 02/10/2018, Hợp đồng mua bán xi măng số 03/HĐMBXM/2019 ngày 02/01/2019, Hợp đồng mua bán xi măng số 04/HĐMBXM/2020 ngày 02/01/2020 và Hợp đồng mua bán xi măng số 05/HĐMBXM/2021 ngày 02/01/2021 giữa Công ty TNHH H giữa Công ty TNHH H và Công ty TNHH Bê Tông T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có chủ thể, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực và phát sinh quyền, nghĩa vụ theo Điều 24 Luật thương mại và Điều 117, Điều 385, Điều 401 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ các Hợp đồng mua bán xi măng, các hóa đơn giá trị gia tăng, Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, các Bảng theo dõi lấy xi măng và công nợ thanh toán và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định nguyên đơn Công ty TNHH H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng cho bị đơn Công ty TNHH Bê Tông T, hai bên đã có Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 01/01/2022 với số tiền nợ là 1.323.766.000 đồng, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn, từ ngày 31/12/2021 đến ngày 13/06/2023 bị đơn đã thanh toán cộng dồn tổng số tiền là 1.060.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 263.766.000 đồng.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn Công ty TNHH Bê Tông T lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử nhưng đến lần thứ hai mở phiên tòa bị đơn vẫn không có mặt, không có ý kiến phản hồi, cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình. Việc này thể hiện bị đơn không chấp hành nghiêm quy định pháp luật, đồng thời bị đơn đã tự từ bỏ quyền trình bày nhằm bảo vệ quyền lợi của mình tại tòa. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ và từ khi khởi kiện đến nay bị đơn vẫn không thực hiện, việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình là vi phạm thỏa thuận các bên đã ký kết. Do đó yêu cầu của Công ty TNHH H buộc Công ty TNHH Bê Tông T phải thanh toán số tiền nợ gốc là 263.766.000 đồng, là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại và Điều 440 Bộ luật dân sự.

3.2 Xét yêu cầu tính lãi:

Theo Điều 3 của Hợp đồng mua bán xi măng số 05/HĐMBXM/2021 ngày 02/01/2021 và Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 01/01/2022, hai bên đã thỏa thuận mức lãi suất chậm thanh toán là 0,05 %/ngày tương đương 18 %/năm, đây là lãi suất thỏa thuận phù hợp quy định theo Điều 306 Luật thương mại và Điều 357, Điều 468 Bộ Luật dân sự.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn nhiều lần yêu cầu trả nợ và lãi phát sinh nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện, nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm thanh toán tính từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 01/05/2021 đến ngày 30/09/2025, mức lãi suất thỏa thuận 0,05 %/ngày theo hợp đồng với số tiền lãi là 454.192.167 đồng, là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi từ ngày 01/10/2025 đến khi xét xử là hoàn toàn tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

3.3 Do nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng đến nay bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nếu tiếp tục kéo dài thời gian trả nợ sẽ ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ bao gồm gốc và lãi nêu trên cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH H được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn Công ty TNHH Bê Tông T phải chịu tiền án phí 32.718.327 đồng (ba mươi hai triệu bảy trăm mười tám ngàn ba trăm hai mươi bảy đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 117, Điều 385, Điều 401, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 của Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm /2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H.

Buộc Công ty TNHH Bê Tông T phải thanh toán cho Công ty TNHH H số tiền là 717.958.167 đồng (bảy trăm mười bảy triệu chín trăm năm mươi tám ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng), bao gồm tiền nợ gốc là 263.766.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) và tiền lãi là 454.192.167 đồng (bốn trăm năm mươi bốn triệu một trăm chín mươi hai ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng), thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Bê Tông T phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán xi măng số 05/HĐMBXM/2021 ngày 02/01/2021 và Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 01/01/2022 giữa Công ty TNHH H và Công ty TNHH Bê Tông T.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Bê Tông T phải chịu án phí là 32.718.327 đồng (ba mươi hai triệu bảy trăm mười tám ngàn ba trăm hai mươi bảy

đồng).

Công ty TNHH H không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 14.595.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng) cho Công ty TNHH H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0029150 ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 5 TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 5 TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Kha